

CÓ GIẢI THÍCH ĐƯỢC HIỆN TƯỢNG TÁI LẠM PHÁT MỚI ỔN ĐỊNH ĐƯỢC TIỀN TỆ.

□ VŨ NGỌC NHUNG

LỜI NÓI ĐẦU: Bài viết của Ông Vũ Ngọc Nhung dựa vào lý luận Mác-Lênin về lưu thông tiền tệ để giải thích và đề xuất cách giải quyết đối với hiện tượng lạm phát, đồng thời cũng phê phán gài gao một số quan điểm khác mà ông cho là sai lầm vì xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chúng tôi nhận thấy đây là một vấn đề rất phức tạp đòi hỏi phải có sự tranh luận rộng rãi hơn để tìm đến các hướng giải quyết hợp lý nhất, nên cho đăng cả toàn bài, không cắt xén, với hy vọng sau đó sẽ có nhiều ý kiến phản hồi, thành một cuộc tranh luận khoa học, trên diễn đàn của tập san PTKT này.

BBT.

Xung quanh thành tích chống lạm phát của ta hiện nay có nhiều ý kiến khác nhau:

- Bản dự thảo báo cáo chính trị đã đánh giá: "thành tựu này càng có ý nghĩa lớn vì chúng ta chống lạm phát trong hoàn cảnh nguồn trợ giúp bên ngoài giảm sút với trước, vừa chống lạm phát vừa thực hiện chuyển từ giá bao cấp sang giá kinh doanh".

- Một vài ý kiến đã đăng trên báo lại tỏ ý nghi ngờ cho rằng đánh giá thành tích chống lạm phát như vậy là quá cao; một vài người nước ngoài lại

cho rằng Việt Nam chỉ dùng tiểu xảo trong chống lạm phát, vì vậy khó đúc kết thành kinh nghiệm, thành lý luận chống lạm phát được.

Tôi cho rằng cách đánh giá trong dự thảo báo cáo chính trị là chính xác và khiêm tốn. Nhưng do giới hạn của một báo cáo toàn diện mọi mặt tình hình đất nước nên chưa thể đi sâu phân tích kỹ lưỡng kinh nghiệm thành công và cả thất bại trong chống lạm phát để ổn định tiền tệ trong mấy năm qua.

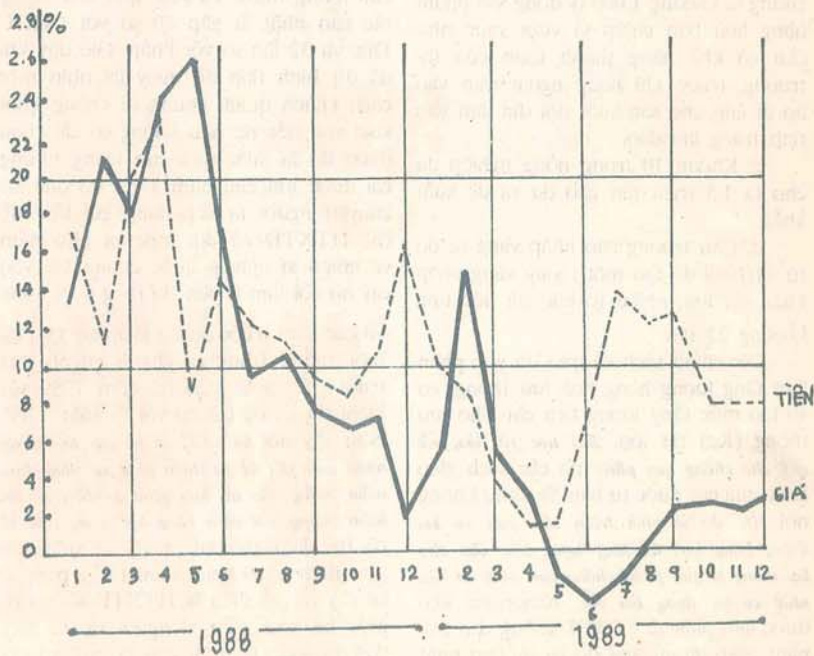
Có thể nói mấy năm qua là một thời gian cực kỳ quý báu cho việc đúc kết các kinh nghiệm ổn định tiền tệ và tìm hiểu sâu hơn các nguyên lý của Mác-Ăngghen về quy luật lưu thông tiền tệ, về giá cả, lãi suất v.v... Vì vậy cần tập trung trí tuệ phân tích hết sức khách quan tình hình và đúc kết không chỉ kinh nghiệm mà cả lý luận về quản lý tiền tệ tín dụng nói riêng và kinh tế nói chung. Muốn vậy, cần phải dựng lên các biểu đồ liên kết các chỉ số tiền và giá, gắn diễn biến tình hình vào các bối cảnh lịch sử của nó. Do điều kiện không được thông tin đầy đủ, tôi chỉ sử dụng biểu đồ giá và tiền của Tạp chí Thị trường và giá cả tháng 8/89 và vẽ tiếp từ tháng 7/89 tới nay bằng các số liệu đăng trên Tạp chí này và ghi trong báo cáo chính trị (Dự thảo).

Chỉ số giá và tiền gắn kết với nhau cho ta những điểm tình hình nổi bật trong từng thời kỳ như sau:

1. Thời kỳ năm 1988, với nửa đầu năm tiền tăng lên 241,9% nhưng giá tăng tới 294% hay bình quân +19%

tháng, còn nửa cuối năm thì ngược lại tiền vẫn tăng lên 194% nhưng giá chỉ tăng có 153% hay bình quân +7% tháng. Theo lý luận đã giảng ở trường là lạm phát đã chuyển từ giai đoạn 2 với đặc điểm *giá tăng nhanh hơn tiền* sang giai đoạn 1 *giá tăng chậm hơn tiền*. Thắng lợi kiềm chế lạm phát đầu phải là tiểu xảo mà do chính sách chuyển hân ngân hàng sang kinh doanh XIHCN được thi hành từ tháng 7/88 trong cả nước đã chấm dứt việc lạm phát tín dụng (phát hành thêm giấy bạc để bù cho các ngân hàng thiếu vốn cho vay).

2. Thời kỳ năm 1989 là thời kỳ lượng tiền cần cho lưu thông (Kc hay theo tiếng Anh là Md, money demand) tăng vọt do hàng ngoại lưu thông tràn ngập sau khi mở cửa biên giới phía Bắc và tốc độ lưu thông tiền tệ giảm hẳn do tâm lý trữ vàng, trữ hàng thay tiền bị mất đi. Như vậy đáng lẽ phải phát hành thêm tiền cho lượng tiền lưu thông (Ki hay theo tiếng Anh là Ms, money supply) tăng lên tương ứng với Kc thì chúng ta lại đưa lãi suất lên cực cao (gấp 40 lần lãi suất của CIIRC Đức vào tháng 5-6 và 7/89) thắt chặt tiền tệ lại. Điều may mắn là Bộ chính trị đã kịp thời nhận định tình hình lại và phát hành tiền ra lưu thông để thu mua gạo xuất khẩu nên thiếu phát (deflation) chỉ kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11/89. Thắng lợi bước đầu đưa lạm phát từ nước phi mã 470% năm 1988 xuống 38,6% năm 1989 là sự thật không thể phủ định hay xoá nhòa, nhưng với tinh thần cộng sản, biết phân tích khách quan cả phần đúng và



phần sai, chúng ta có thể dựng lại bức tranh toàn cảnh từ tháng 7/88 (tháng bắt đầu các giải pháp chống lạm phát từ việc chuyển ngân hàng thành hai cấp) đến tháng 12/90 theo biểu đồ 2 sau đây: (xem trang sau).

Biểu đồ này cho thấy một giai đoạn vòng xuống của chỉ số giá cả từ tháng 4/89 đến tháng 11/89, đó là thời kỳ thiếu hụt (deflation) và sau đó là tái lạm phát. Giá vàng và đô-la còn vòng xuống dài hơn và nặng hơn (giá vàng giảm 1/2, giá đô-la giảm 1/3), đó là sự lên giá đối ngoại của tiền, lớn gấp nhiều lần sự lên giá đối nội (có khoảng 6%). Nói cách khác là thiếu phát tác động vào kinh tế đối ngoại mạnh hơn.

Có phần tích cực theo từng giai đoạn lạm phát-thiếu hụt-tái lạm phát như vậy chúng ta mới có thể rút ra những bài học quý báu cả về những cái được lớn và một vài cái chưa được dẫn tới hậu quả vừa tái lạm phát vừa suy thoái hiện nay.

Có lẽ nói năm 1989 là năm hội tụ những kết quả của hàng loạt chính sách đổi mới từ Đại hội Đảng lần thứ VI:

a. Chính sách mở cửa về mặt kinh tế kết hợp với chính sách đổi thay cho đổi đầu về ngoại giao đã giúp chúng ta mở cửa biên giới tháng 3/89 và đưa lượng hàng hoá lưu thông tăng gấp nhiều lần.

b. Chính sách tự chủ tài chính đối với các xí nghiệp quốc doanh đã cho chúng ta khoảng 1.000 tỷ đồng sản phẩm hàng hoá bán chậm vì vượt mức nhu cầu có khả năng thanh toán của thị trường, trước khi hàng ngoại tràn vào ào ạt làm cho sản xuất nội địa lâm vào tình trạng lao đao.

c. Khoán 10 trong nông nghiệp đã cho ta 1,5 triệu tấn gạo dư ra để xuất khẩu.

d. Chủ trương cho nhập vàng tự do từ 11/1988 đã tạo một lượng vàng nhập khẩu rất lớn, nhiều từ báo đã ước tính khoảng 22 tấn.

Các chính sách kể trên đã góp phần làm tăng lượng hàng hoá lưu thông, cơ sở tạo mức tăng lượng tiền cần cho lưu thông (Kc) rất lớn. Bài học rất lớn, rất quý cho chống lạm phát mà các sách giáo khoa của các nước tư bản hầu như không nói tới: đó là phát triển sản xuất và lưu thông hàng hoá để tăng lượng tiền cần cho lưu thông là giải pháp chống lạm phát cơ bản nhất có tác dụng lâu dài. Argentina kéo được lạm phát từ 1.000% xuống còn 5% năm 1986 nhưng sau đó lại tái lạm phát

phi mã tới 2.500%, còn ta tuy bị tái lạm phát nhưng cho đến nay vẫn giữ được mức lạm phát hai con số (+66,2% năm 1990).

d. Các giải pháp giảm biên chế, giảm xây dựng cơ bản để giảm bội chi ngân sách đã phát huy tác dụng. Phải nói đây là một cố gắng bền bỉ đầy khó khăn vì nó đụng tới cả lực lượng bộ đội thường trực và gây khó khăn rất lớn trong vấn đề giải quyết công ăn việc làm.

e. Chính sách chuyển hẳn ngân hàng sang kinh doanh XIHCN đã góp phần chấm dứt lạm phát tín dụng lấy vốn phát hành tiền để cho vay từ 1/7/1988.

g. Việc xóa bỏ lãi suất âm, kéo lãi suất cho vay gần sát tỷ lệ lạm phát từ tháng 5/88 đã góp phần chuyển tín dụng bao cấp sang tín dụng kinh doanh cũng góp phần chấm dứt lạm phát tín dụng.

Những kết quả hội tụ nói trên làm sao có thể là sản phẩm của những "tiểu xảo" chống lạm phát như một số người nước ngoài đã nói. Tiểu xảo làm sao tạo ra được 1,5 triệu tấn lương thực xuất khẩu? tạo được hàng ngàn tỷ đồng hàng hoá sản xuất trong nước đủ sức cạnh tranh được với hàng ngoại trong điều kiện rất không cân sức? Nếu nhớ lại ta sẽ thấy tỷ giá đồng đô-la tự từ 6.000đ xuống 4.000đ, giá vàng tự từ 1/2 đã tăng sức cạnh tranh của hàng ngoại lên từ gấp rưỡi đến gấp 2 lần. Chính sự lên giá đối ngoại của đồng tiền gấp rưỡi so với đô-la, gấp đôi so với vàng là hậu quả đầu tiên và trực tiếp của thang thuế lãi suất quá liều lượng lúc cao nhất là gấp 40 so với CHDC Đức và 32 lần so với Pháp. Giữ đây khi đã đủ bình tĩnh để quay lại nhìn một cách khách quan, chúng ta không khỏi xuýt xoa tiếc rẻ: nếu không có cái chưa được là lãi suất quá cao trong những cái được lớn của năm 1989 thì đâu có chuyện người ta xếp hàng gửi tiền để các HTXTD có dịp mọc ra như nấm và nhiều xí nghiệp quốc doanh lao vào vay nợ với tâm lý yên chí rằng năm 1988

và các năm trước đó đã kiếm lãi 15-17% một tháng (thực ra chỉ là chênh lệch trượt giá, là lãi giả) thì năm 1989 vẫn kiếm đủ lãi để trả nợ với lãi suất 7-8%. Như vậy nói lãi suất cực kỳ cao là nguyên nhân chủ yếu để ra thiếu hụt và chuá động mồm mồm của tái lạm phát là điều có thể kiểm chứng một cách khoa học trong thực tế: có thể làm thử lại, nâng lãi suất gần như năm 1989 chắc chắn thiếu hụt phát sẽ lại xảy ra (có điều là HTXTD sẽ không mọc lại như năm vì người ta đã hiểu đầu ra theo lãi suất cao là phiếu lưu),

kinh tế suy thoái thêm và tái lạm phát lại xuất hiện. Duy có điều lần này ngân hàng quốc doanh sẽ vỡ nợ.

Lãi suất cao có nghĩa là Nhà nước mua tiền với giá cao tất yếu lạm giá ngoại tệ hạ xuống và hút hàng nhập cực kỳ mạnh vì hàng nhập thực tế rẻ đi 1/2 nếu mua bằng vàng và 1/3 nếu mua bằng đô-la. Có điều đáng tiếc là lẽ ra chúng ta có thể tranh thủ in tiền giấy không có giá trị để đổi lấy vàng và đô-la trong dịp hiếm có đó để vừa thêm dự trữ ngoại tệ vừa giữ cho giá vàng giá đô-la tụt xuống quá thấp để rồi lên trở lại, trở thành thứ giá mất ổn định nhất (thật vậy nếu đô-la từ 6.000đ lên 8.600đ chỉ là mức tăng +42%, thấp hơn chỉ số giá cả chung, nhưng tụt xuống 4.000đ để lên 8.600đ sẽ tạo tỷ lệ tăng mà người vay bằng đô-la và XNK khó chịu đựng nổi +115%).

Nguyên nhân thứ hai giải thích trạng tình trạng tái lạm phát là ngân sách vẫn tiếp tục bội chi và vẫn lấy việc phát hành giấy bạc để bù đắp số bội chi đó. Bộ Tài chính vay ngân hàng theo lãi suất ngang với lãi suất tiền gửi tiết kiệm (có nghĩa là Ngân hàng lỗ phần chi phí tín dụng) nhưng không lo kế hoạch trả nợ. Ngân sách vay trực tiếp dân hàng công trái có thể ngưng lại khi đã vay đủ, còn ngân hàng vay dân qua tiền gửi tiết kiệm không thể ngưng lại khi không cho vay ra được. Ngân sách vay dân tất phải lo trả nợ, còn vay ngân hàng không phải lo trả nợ vì cứ đưa ra Hội đồng Bộ trưởng số bội chi để chứng minh không có khả năng trả nợ là xong. Hiện nay tư duy cũ cho rằng xí nghiệp quốc doanh không thể bị phá sản vì đã có Nhà nước bù lỗ tuy đã bị khai tử trong mọi ngành khác nhưng kỳ lạ thay vẫn tồn tại với ngân hàng quốc doanh. Người ta cho rằng nếu người gửi đến ngân hàng rút tiền tiết kiệm ào ạt như đối với HTXTD thì ngân hàng quốc doanh cũng không thể vỡ nợ vì Nhà nước sẽ phát hành tiền để hỗ trợ ngay. Như vậy bề ngoài những người này không phản đối chống lạm phát nhưng trong bụng lại sẵn sàng dùng ngay lạm phát mỗi khi có khó khăn mà không tìm cách chống đỡ trước để tránh dùng công cụ lạm phát, phân phối lại thu nhập của người ăn lương và người cầm đồng tiền mất giá trong tay.

Chính tư duy này là biểu hiện rõ nét nhất của nguyên nhân thứ ba gây tái lạm phát: sự xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chỉ cần được huấn luyện vài ngày về một vài học thuyết tiền tệ-tín

14. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

lưng hiện đại là một số anh chị em chúng ta đã tẩy khỏi não hầu như toàn bộ các nguyên lý Mác- Lênin về tiền tệ-tín dụng. Họ nêu ra cái giá phải trả cho việc chống lạm phát rập theo luận điểm của P.A. Samuelson để bào chữa rằng suy thoái, vỡ nợ IITXTD là cái giá tất nhiên phải trả cho thành tích chống lạm phát. Như vậy để xoá nhòa sự thật lịch sử là "lãi suất tình thế" trái với tình thế lạm phát đã giảm nhanh cường độ từ tháng 3/89 đã gây ra thiếu hụt và hình thiếu hụt đó đã dẫn tới suy thoái, lãi suất đó đã dẫn tới vỡ nợ IITXTD và các xí nghiệp quốc doanh liêu mạng vay phải cái lãi suất không có tỷ suất lợi nhuận nào chịu đựng nổi.

Sự xa rời nguyên lý về quy luật lượng tiền cần cho lưu thông của Mác, hay theo thuyết "lạm phát giá cả" ngày càng đến mức nói rằng có cả lạm phát hàng (nhặt vàng ở đâu ra để lạm phát?) đã dẫn đến cách tính cộng cả bội chi ngân sách vào lượng tiền cần cho lưu thông (may mà đã được vạch ra kịp thời) tính theo lập luận giá tăng lên bao nhiêu thì tiền phải tăng bấy nhiêu. Năm 1989, Kc tăng lên gần 3 lần cho phép Kt tăng lên tương ứng theo yêu cầu $Kt=Kc$ của quy luật lượng tiền cần cho lưu thông. Như vậy đến cuối năm 1989, Kt đã bằng Kc, vậy nếu theo đúng quy luật này năm 1990 không thể tăng ít thêm vài chục phần trăm nữa vì Kc không còn khả năng tăng vọt vài lần như năm 1989 mà chỉ còn tăng tương đương như nhịp độ tăng trưởng kinh tế từ vài phần trăm một năm.

Tóm lại, chỉ có đánh giá cụ thể cả sai trái: những cái được lớn và cái chưa được trong việc chống lạm phát năm 1989 chúng ta mới rút ra được chính xác cả những bài học quý giá về những giải pháp chống lạm phát cơ bản từ phát triển sản xuất và lưu thông hàng hoá, và những bài học đắt giá hơn từ liều lượng quá cao của công cụ lãi suất nói riêng và một số giải pháp khác như mở cửa quá rộng không có hàng rào quan thuế đối với hàng nhập v.v... nói chung. Phân tích cụ thể như vậy, bài học rút ra được sẽ có giá trị lâu dài cho con cháu chúng ta và có tác dụng rộng rãi hơn.

3- Thời kỳ 1990 và đầu 1991 đến nay. Thời kỳ này nổi bật lên ở hai đặc điểm:

- Lạm phát gần với mức dự kiến từ đầu năm 1990 và vượt xa mức này từ tháng 7/90.

- Chỉ số giá cả cao hơn tỷ lệ lạm

phát do điều chỉnh giá hàng nhập từ khu vực 1.

Chính đặc điểm thứ nhất cũng do việc điều chỉnh giá hàng nhập quyết định. Điều này giúp ta giải thích tại sao lãi suất tiền gửi tiết kiệm đã trở thành lãi suất âm so với chỉ số giá cả nhưng đã không gây tác dụng rút tiền gửi mạnh, trái lại tiền gửi tiết kiệm vẫn tăng tuy tốc độ không cao như năm 1989 và đầu 1990.

Lúc đầu tôi cũng phạm sai lầm khi dự đoán rằng số dư tiền gửi tiết kiệm sẽ giảm mạnh vào đầu năm 1991 khi chỉ số giá cả vượt xa lãi suất tiết kiệm và tạo lại tâm lý chạy đi mua vàng dự trữ thay tiền. Sai lầm này giúp tôi hiểu

rõ hơn lý luận về lãi suất danh nghĩa. Nó phải là:

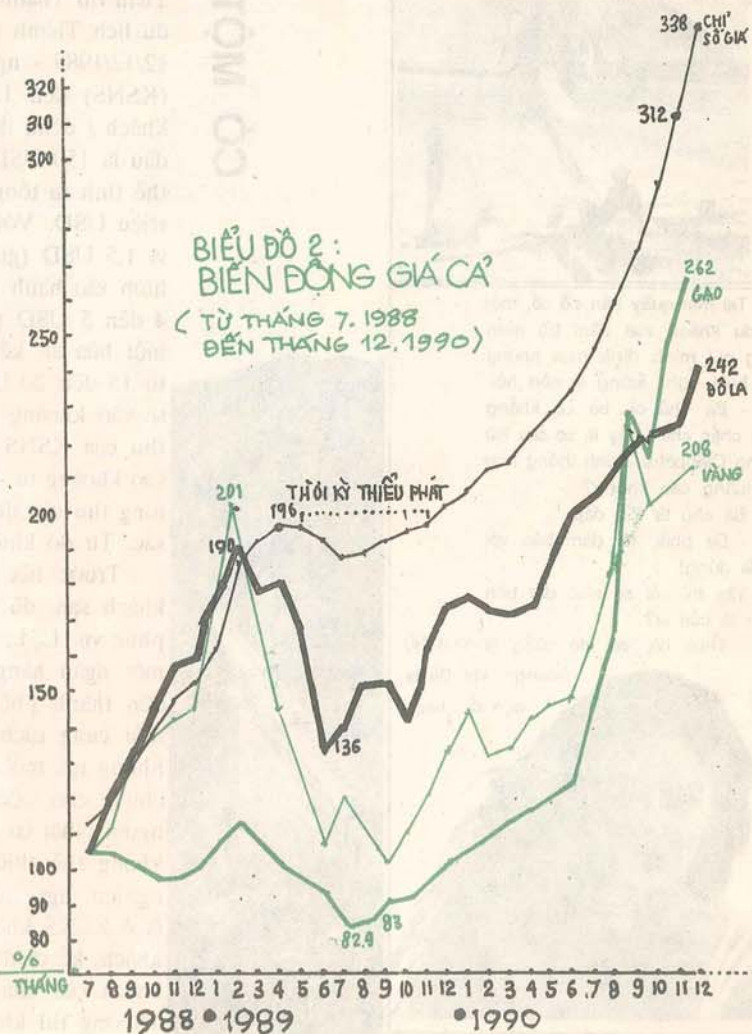
Lãi suất danh nghĩa = Lãi suất thực - Tỷ lệ lạm phát

chứ không phải trừ đi chỉ số giá cả do nhiều nhân tố ngoài lạm phát tác động.

Như vậy những ý kiến đòi nâng lãi suất tiền gửi tiết kiệm để chống lạm phát cũng đã phạm sai lầm như tôi; còn người gửi tiết kiệm, họ thực tế hơn vì biết rằng khó mà kiếm được một tỷ suất lợi nhuận ổn định 4% khi đem vốn gửi tiết kiệm ra kinh doanh hay mua vàng.

Thời kỳ này cho thấy tư duy cũ xa rời lý luận Mác-Lênin biểu hiện ở cách nhìn lãi suất như là công cụ chống lạm phát hiệu nghiệm có thể dùng để chữa

(Xem tiếp trang 17)





vụ các khách sạn chào. Tiếng chào cho mọi người, đó là điều thiếu thốn thứ nhất lẽ ra có thể khắc phục được. Nguyên ngữ của danh từ *Hôtel* là *Hôte* có nghĩa người chủ nhà tiếp đón; người chủ tiếp đón phải hiểu khách, bất luận khách là ai. Nhân tiện viết về tiếng chào, xin mở ngoặc đơn về tiếng chào ở phi trường Tân Sơn Nhất. Một nữ du khách người Bỉ kể lại như một chuyện tiểu lâm: Trong câu chào đón khách bằng nhiều thứ tiếng đại ý cảm ơn quý khách đã nhẫn nại chờ đợi các thủ tục lâu lắc... đến câu tiếng Pháp dùng chữ "merci pour votre persévérance". Danh từ "persévérance" (kiên trì, nhẫn nại) này khiến khách bật cười vì không chuẩn, lẽ ra phải dùng một danh từ khác như "compréhension" (thông cảm)... chẳng hạn.

Lại nữa, dường như trình độ ngoại ngữ của nhân viên tỷ lệ nghịch với chiều cao của khách sạn: khách nói tiếng Pháp hài lòng ở khách sạn tiếp tân bao nhiêu thì lại than phiền vì các cô phục vụ ở quầy giải khát lầu 8 khách sạn DL không nói được tiếng Pháp bấy nhiêu. Trong khi đó hơn 300 nhân viên của KSNS ít nhất cũng xoay sở được với ngoại ngữ thứ nhì, ngoài ngoại ngữ chính là tiếng Anh. Ngoài một trình độ nhất định để qua lọt kỳ thi tuyển, họ còn phải học tích cực trong ba tháng và giờ đây vẫn còn phải học mỗi tuần một buổi ngay tại KSNS.

Từ đây, có thể nói nhân viên KSNS được đào tạo tốt hơn. Giám đốc Imbardelli luôn tự hào về tiêu chuẩn đào tạo các nhân viên của mình. Thậm chí, với những thực đơn gồm 82 món như tại nhà hàng thức ăn Tàu, khách chỉ cần gọi số hiệu của món ăn, nhân viên sẽ đọc ngay tên của món đó. Đây không phải là một xảo thuật mà là nhu cầu nắm vững thực đơn hầu có thể đáp ứng ý muốn của khách hàng, nhất là khi khách hàng đang ngần ngừ trong việc chọn món ăn.

Đào tạo đồng nhất để có thể có được một cung cách phục vụ đồng nhất nơi các nhân viên phục vụ là một điều thiếu thốn thứ nhì nơi các khách sạn của Thành phố. Nghề phục vụ khách sạn là một nghề đầy tiểu tiết tế nhị như cả độ ẩm của khăn mặt ướp lạnh tại nhà hàng Con Nai Vàng chẳng hạn: các khăn ướt sũng nước, khách không biết làm sao hơn đành tự vắt cho khô bớt.

Điều thiếu thốn thứ ba của các khách sạn là những nhà quản lý năng động trong công việc chuyên môn của mình hầu có thể đa dạng hóa sản phẩm phục vụ của mình. Bill Dixon, trưởng khâu ăn uống của KSNS có thể tự hào với hai nhà hàng thức ăn Âu, Á với ít nhất là 8 loại thực đơn các nước khác nhau, riêng thực đơn thức ăn Tàu là 82 món! Tại phòng nhảy *discothèque* cũng thế, không kể đêm thứ bảy chủ nhật, các đêm còn lại, trừ khi khách muốn tự chọn thức uống, nhà hàng đều dành cho khách một giá đồng hạng như thứ hai là "đêm bia San Miguel", thứ ba là "đêm của quý bà" với rượu sâm-banh, thứ tư là "đêm rượu vang"... với giá 2 USD một ly, vừa để giúp khách bớt ngần ngại trong việc gọi thức uống, vừa để tạo một bầu không khí (ambiance) cho từng đêm...

Điều thiếu thốn thứ tư nơi các khách sạn là độ sạch sẽ, thơm tho của các nhà vệ sinh. Khách sạn DL đầu có đạt giải thưởng du lịch quốc tế 1990 vẫn chưa thể bành diện nhiều với các phòng vệ sinh ở tầng trệt. Có lẽ hệ thống vòi nước xả tự động của các bồn tiểu ở KSNS là một thiết bị cần nghiên cứu đưa vào sử dụng. Cả hệ thống thông khí nữa.

Trên đây là một vài nhận xét so sánh chỉ nhằm mục đích: "Nếu quả thật KSNS có thành công thì đây cũng là một trường hợp để nghiên cứu và nên nhìn nhận sự đóng góp của KSNS đối với nền du lịch của Thành phố".

LK.

VNN.

(Tiếp theo trang 15)

chạy nguyên nhân chủ yếu của tái lạm phát là bội chi ngân sách như kiểu lấy thuốc chữa cao huyết áp để chữa bệnh lũng ruột. Đặc biệt khi lãi suất cực kỳ cao năm 1989 và đầu 1990 thì đa số giám đốc không thấy kêu ca, nhưng đến lúc lãi suất xuống đến mức số âm lại thấy đa số đề ép nhà nước duy trì lãi suất ưu đãi bao cấp tràn lan, đẩy số lỗ của ngân hàng đến mức có thể gây phá sản chính ngân hàng quốc doanh. Bản thân ngân hàng cũng không dám đề nghị nâng lãi suất cho vay cao hơn lãi suất tiết kiệm trong thời cơ thuận lợi nhất là lãi suất này đã trở thành âm. Như thế là "lãi suất tình thế" của tình thế đầu 1989, bao cấp tràn lan kiểu "mua" vốn cao "bán" vốn thấp, vẫn chưa rút khỏi vũ đài phá hoại khi tình thế đã thay đổi sau 2 năm (!). Chúng ta đã quên rằng Mác và Lênin không bao giờ dạy chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng bao cấp cả.

Nhiều người nói với tôi: nghiên cứu khoa học cứ phát biểu lên, cứ viết báo, cấp trên có nghe hay không sau này lịch sử sẽ phán xét. Nhưng lịch sử luôn luôn phán xét một, cách mù quáng và tàn bạo như ở Đông Âu. Cho nên tôi tha thiết đề nghị báo chí nên tổ chức tranh luận, kể cả bút chiến cho rõ đúng sai, tốt nhất là trước khi tư tưởng xa rời lý luận Mác- Lênin kịp gây tác hại, nhất là trước khi lịch sử phán xét.